TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÙNG KHÁNH** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2025/ HS-ST
Ngày 19 - 5 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Thế Hạp và bà Mã Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa: Bà Ma Kim Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 30/2025/TLST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2025/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2024 đối với:

1. Bị cáo Giàng A C; tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 12/11/1990 tại Bản Mù, T, Yên Bái.

Nơi thường trú và chỗ ở hiện tại: Thôn G, xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Công giáo; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 4/12; Con ông Giàng A S (sinh năm 1972) và bà Sùng Thị C1 (sinh năm 1968); Vợ: Mùa Thị D, sinh năm 1996; Con: Có 01 con sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/12/2024, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực huyện T, Trại tạm giam tỉnh Cao Bằng. *Có mặt.*

2. Người bào chữa cho bị cáo: Bà Linh Thị A, trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh C. Có mặt.

3. Bị hại:

Bà Hà Thị Đ, sinh năm 1947; địa chỉ: Xóm C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại (theo văn bản ủy quyền lập ngày 29/8/2024): Bà Đinh Thị Y, sinh năm 1970; địa chỉ: địa chỉ: Xóm C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Mù Thị D1, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn G, xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

5. Người làm chứng:

- Bà Sái Thị T, sinh năm 1983; địa chỉ: Xóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng;

- Chị Nông Anh T1, sinh năm 2003; địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng;

- Ông Phạm Văn H, sinh năm 1986; địa chỉ: Xóm N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng;

- Anh Hứa Văn L, sinh năm 2001; địa chỉ: Xóm C, xã Đ, huyện B, tỉnh Cao Bằng;

- Anh Giàng A L1; sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái;

- Bà Nông Thị C2, sinh năm 1954; địa chỉ: xóm C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

(Những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa).

6. Người phiên dịch:

Ông Hoàng Văn D2 - Chuyên viên phòng Nội vụ huyện T, Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 22/8/2024, Giàng A C, sinh năm 1990, trú tại thôn G, xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 21K1-331.77 đi từ thị trấn T hướng về xã X, khi đi đến đoạn đường Km 231 + 400 Quốc lộ D thuộc xóm N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng đã đâm trúng bà Hà Thị Đ, sinh năm 1947, trú tại xóm C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng đang đi bộ sang đường. Ngay sau khi gây tai nạn, Giàng A C điều khiển xe mô tô bỏ chạy khỏi hiện trường. Hậu quả bà Đ bị thương nặng và đi cấp cứu tại Trung tâm Y tế huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Sau khi tiếp nhận tin báo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ tai nạn theo đúng trình tự, thủ tục quy định.

* Tiến hành khám nghiệm hiện trường theo hướng từ thị trấn T đi xã X. Đoạn đường xảy ra tai nạn là đoạn đường thẳng, mặt đường trải Apphan; chọn đỉnh cột mốc có ký hiệu H4/231 ở lề bên trái đường theo hướng thị trấn T đi xã X làm điểm mốc đo đạc; lấy mép đường bên phải (mép trong của vạch sơn màu trắng) làm mép chuẩn.

Vị trí số 01: Dấu vết chất màu nâu đó trên bền mặt đường nghi là máu, dấu vết còn ẩm ướt, kích thước (40 x 24) cm; tâm dấu vết cách mốc hướng về xã X 17,8 mét, cách mép chuẩn 02 mét;

- Vị trí số 02: Dấu vết 03 mảnh nhựa màu đen nứt vỡ nghi là yếm xe mô tô nứt vỡ. Mảnh nhựa thứ nhất có kích thước (56 x 41) cm; mảnh nhựa thứ hai có kích thước (20 x 18,5) cm; mảnh nhựa thứ ba có kích thước (32,5 x 9) cm. Cả 03 mảnh nhựa trên nằm trên nắp bê tông của cống thoát nước, cách mốc hướng về xã X 21,8 mét. Cách vị trí số 01 là 3,5 mét.

Trên bề mặt đường có nhiều sợi, dị vật nghi là sợi phở.

* Kết quả khám nghiệm phương tiện: Xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Exciter PC, sơn màu đen, biển kiểm soát 21K1 - 331.77, xe đã qua sử dụng, bị hư hỏng gương và cánh yếm.

Phần các chân chốt cố định của đèn bị đứt gẫy treo ở phía bên trái xe theo dây điện gắn từ xe chắn bùn của bánh xe phía trước bên trái có dấu vết sạch bụi chiều hướng từ trước về sau, kích thước (21 x 10) cm. Điểm cao nhất của dấu vết cao cách mặt đất 53,5 cm;

- Mặt phía trước của trục bánh xe phía trước bên trái có dấu vết trượt sạch bụi, kích thước 3,5 x 4 cm, cao cách mặt đất 30 cm;

- Phần lườn xe và hộp máy có nhiều dị vật nghi là sợi phở màu trắng;

- Kiểm tra cốp xe không có đồ vật tài sản gì.

- Kỹ thuật an toàn phương tiện: hệ thống phanh, đèn tín hiệu, đèn chiếu sáng còn hoạt động.

Tại kết luận giám định tổn thương trên cơ thể người sống số 136/KLTTCT-TTPY ngày 19/9/2024 của Trung tâm pháp Y, Sở Y tế tỉnh C kết luận:

- Kết quả khám giám định: Vết sẹo mổ kết hợp xương cánh tay phải, kích thước trung bình: 02%; 02 vết sẹo mổ dẫn lưu vùng ngực 02 bên, kích thước nhỏ: 02%; vết mổ kết hợp xương và 05 chốt cố định xương cẳng chân phải, kích thước trung bình và nhỏ: 07%; các đám xưng nề, bầm tím vùng đầu, cổ tay phải, mu bàn chân phải thuộc loại tổn thương trong Thông tư số 22/2019/TT - BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y1 không có quy định đánh giá tỷ lệ tổn thương: 0%.

- Kết quả cận lâm sàng: Tụ dịch dưới màng cứng vùng trán trái, hiện tại còn hình ảnh trên phim chụp cắt lớp vi tính sọ não: 20%; gẫy cung sau xương sườn 7, 8, 9, 10, 11 bên phải: 10%; tổn thương màng phổi hai bên đã phẫu thuật dẫn lưu: 05%; gẫy, xẹp thân đốt sống ngực T6: 21%; gẫy 1/3 dưới thân xương cánh tay phải đã phẫu thuật kết hợp xương, hiện tại xương thẳng trục: 15%; gẫy đầu dưới xương quay tay trái, hiện tại xương thẳng trục: 6%; gẫy 1/3 trên xương cẳng chân phải đã phẫu thuật kết hợp xương, hiện tại xương thẳng trục: 20%;

Kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Hà Thị Đ tại thời điểm giám định là: 69%.

Tại bản kết luận giám định số 8707/KL - KTHS ngày 22/11/2024 của V - Bộ C3 kết luận: 03 mảnh nhựa vỡ màu đen ghi thu tại hiện trường, bị gãy, vỡ từ ốp nhựa mặt nạ đầu xe được tháo ra từ xe mô tô biển số 21K1 - 331.77.

Hồi 12 giờ 00 phút ngày 22/8/2024, Công an thị trấn T, huyện T phối hợp với Trạm y tế thị trấn T tiến hành xét nghiệm chất ma túy đối với Giàng A C, kết quả: xét nghiệm 02 lần đều cho kết quả dương tính với chất ma túy.

Hồi 15 giờ ngày 18/12/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T tiến hành xác minh tại Sở Giao thông vận tải tỉnh Y, kết quả xác định: Trên hệ thống dữ liệu quản lý giấy phép lái xe của Cục Đ1 không có thông tin cấp giấy phép lái xe hạng A1 cho công dân Giàng A C.

Tại Cơ quan điều tra, Giàng A C khai nhận: Khoảng 16 giờ ngày 21/8/2024, C điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 21K1 - 331.77 đi bốc hàng tại khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc thuộc xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Chờ đợi bốc hàng cả đêm không được ngủ. Sau khi bốc hàng xong, đến khoảng 07 giờ ngày 22/8/2024, C điều khiển xe mô tô trên đường đi từ xã T về thị trấn T, khi đi đến Trung tâm thị trấn T thì C rẽ phải đi qua 01 cây cầu nhỏ gần khu vực ngã ba, ngã tư của thị trấn T, khi vừa đi qua cầu được khoảng 100 mét, do buồn ngủ nên không chú ý quan sát đã đâm vào một người đi bộ. Lúc đó, C quá mệt mỏi nên không biết đâm trúng người nào, phụ nữ, đàn ông, hay trẻ em. Chờ chỉ nhớ thấy xe chỉ bị hỏng nhẹ vẫn đi được nên C điều khiển xe đi về phòng trọ gần cầu B thuộc thị trấn T, huyện T.

Lời khai của Giàng A C phù hợp lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Các vật chứng được Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh ra Quyết định chuyển vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng để đảm bảo việc xét xử vụ án.

Tại bản cáo trạng số 30/CT-VKSTK ngày 12tháng 3 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đã truy tố bị cáo Giàng A C ra trước Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng để xét xử về Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ theo điểm a, b, c khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Giàng A C thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đã phản ánh đúng diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo, việc truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai quy định của pháp luật. Đối với vấn đề bồi thường cho bị hại bị cáo chưa thỏa thuận được và chưa có điều kiện để bồi thường cho bị hại theo yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của bị hại.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị hại bà Đinh Thị Y trình bày: Nội dung sự việc như bản cáo trạng đã nêu. Từ khi vụ tai nạn xảy ra ngày 22/8/2024 đến đầu tháng 02/2025 thì người nhà của bị cáo mới đến nhà hỏi thăm sức khỏe của bà Đ và đưa cho số tiền 500.000 đồng để mua hoa quả, đường sữa, hai bên chưa thỏa thuận gì về vấn đề bồi thường. Nay tôi yêu cầu bị cáo phải bồi thường các chi phí phục hồi sức khỏe, tổn thất về tinh thần, tiền thuốc men, tiền

xe đi lại, chi phí giám định tỷ lệ thương tật, tiền công chăm sóc, tiền mất thu nhập cho người phục vụ tổng số tiền 112.200.000 đồng. Về hình phạt đối với bị cáo đề nghị xử lý bị cáo theo pháp luật. Ngoài ra, tôi không có yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Mùa Thị D có mặt tại phiên tòa trình bày: Chị là vợ của bị cáo C, chiếc xe bị cáo điều khiển gây tai nạn vào ngày 22/8/2024 là tài sản chung của vợ chồng chị do hoàn cảnh gia đình khó khăn, thương chồng đi làm xa không có phương tiện đi lại, chị đã bán 02 con bò để mua chiếc xe mô tô trên với số tiền 20.000.000 đồng. Khi chồng chị sử dụng chiếc xe gây tai nạn chị không biết, chiếc xe là phương tiện đi lại duy nhất của gia đình. Do đó, chị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại chiếc xe cho chị. Khoảng tháng 02/2025 chị và em trai chồng có được đến nhà bị hại Hà Thị Đ để thăm hỏi và đưa cho bà Đ 500.000 đồng để mua hoa quả, đường sữa bồi dưỡng sức khỏe.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b, c khoản 2 Điều 260; Điều 38; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Giàng A C mức hình phạt từ 04 đến 05 năm tù về tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586 và 590 Bộ luật Dân sự.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và người đại diện theo ủy quyền của bị hại chưa thỏa thuận được với nhau về vấn đề bồi thường. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả cho bị cáo 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter mang biển kiểm soát: 21K1-331.77 đã bị hư hỏng trong vụ tai nạn ngày 22/8/2024.

- Tịch thu tiêu hủy một túi niêm phong bên trong có một ốp nhựa đầu xe (mặt nạ) và một ốp nhựa dưới ổ khóa của xe mô tô biển kiểm soát: 21K1-331.77.

- Tịch thu tiêu hủy một túi niêm phong bên trog có ba mảnh nhựa của xe mô tô biển kiểm soát: 21K1-331.77 thu tại hiện trường xảy ra vụ tai nạn trên.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí bồi thường dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.Tại phiên tòa bị cáo đơn xin miễn án phí, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo: Thay mặt bị cáo chia sẻ với gia đình bị hại về những thiệt hại do bị cáo đã gây ra cho bị hại. Người bào chữa nhất trí với tội danh và điều luật mà đại diện viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên khi lượng hình xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết như: Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm

tội của mình, ngoài ra bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo trình độ hiểu biết pháp luật hạn chế, khi xảy ra tai nạn bị hại cũng có lỗi nên đề nghị cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Quá trình xảy ra vụ án, do gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo, bị cáo phải vất vả mưu sinh kiếm sống bằng nghề bốc vác thuê và không may xảy ra sự việc tai nạn bị cáo cũng đã tác động gia đình đến nhà bị hại thăm hỏi và đưa cho gia đình bị hại số tiền 500.000 đồng. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Về mức hình phạt đối với bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a,b,c khoản 2 Điều 260; Điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng mức án khởi điểm của khung hình phạt là 03 năm tù và đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cũng như án phí dân sự có giá ngạch cho bị cáo. Về bồi thường dân sự đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trên cơ sở lỗi của hai bên để tính số tiền bồi thường mức 50% lỗi do bị cáo gây ra là 50% lỗi của bị hại.

Kiểm sát viên đối đáp: Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo được hưởng mức án khởi điểm của khung hình phạt 03 năm tù là không có căn cứ chấp nhận, không tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Bị cáo bị khởi tố, truy tố theo quy định tại các điểm a,b,c khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự có mức hình phạt từ 03 đến 10 năm tù là phạm tội trong trường hợp rất nghiêm trọng với các tình tiết định khung hình phạt như: Không có giấy phép lái xe theo quy định; bị cáo điều khiển phương tiện tham gia giao thông trong tình trạng sử dụng chất ma túy; khi xảy ra tại nạn bị cáo không dừng lại cứu giúp người bị hại mà bỏ chạy khỏi hiện trường để trốn tránh trách nhiệm. Ngoài ra bị cáo còn phải chịu tình tiết tăng nặng là phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên. Do đó, không có căn cứ chấp nhận đề nghị áp dụng mức án 03 năm tù mà người bào chữa đề nghị đối với bị cáo, kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo là từ 04 đến 05 năm tù. Ngoài ra không tranh luận thêm.

Người bào chữa tranh luận đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh gia đình của bị cáo, khi xảy ra tai nạn cũng có một phần lỗi của bị hại. Xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để cho bị cáo được hưởng mức hình phạt 03 năm tù. Ngoài ra không tranh luận gì thêm.

Người đại diện theo ủy quyền không nhất trí với mức hình phạt theo đề nghị của người bào chữa đối với bị cáo. Bản thân bị cáo là người làm thuê bốc vác từ nơi khác đến, bị cáo tham gia giao thông trong tình trạng phóng nhanh, vượt ẩu gây tai nạn cho bị hại, sau khi gây tại nạn đã không ở lại hiện trường để xem và đưa người bị nạn đi cấp cứu mà bỏ đi khỏi hiện trường và trong thời gian từ khi xảy ra tai nạn bị cáo cũng chưa bồi thường gì cho gia đình. Thực tế nhiều vụ tai nạn giao thông xảy ra trên địa bàn thị trấn T, T, Cao Bằng thời gian gần đây đều do những người bốc vác như bị cáo gây ra, gây cho nhân dân bất

bình. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật về trách nhiệm hình sự cũng như bồi thường dân sự.

Kiểm sát viên, người bào chữa không có ý kiến tranh luận thêm.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Khi được nói lời sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức án nhẹ nhất để sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo, các yếu tố cấu thành tội phạm:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa, hoàn toàn phù hợp với các lời khai tại Cơ quan Điều tra, lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại, người làm chứng, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm phương tiện, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ nên có cơ sở để kết luận: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 22/8/2024, Giàng A C, sinh năm 1990, trú tại thôn G, xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 21K1-331.77 đi từ thị trấn T hướng về xã X khi đi đến đoạn đường Km 231 + 400 Quốc lộ D, thuộc xóm N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng đã đâm trúng bà Hà Thị Đ, sinh năm 1947, trú tại xóm C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng đang đi bộ sang đường. Ngay sau khi gây tai nạn do hoảng sợ nên C đã điều khiển xe mô tô bỏ chạy khỏi hiện trường. Hậu quả: Tại kết luận giám định tổn thương trên cơ thể người sống số 136/KLTTCT-TTPY ngày 19/9/2024 của Trung tâm pháp y, Sở Y tế tỉnh C kết luận: tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Hà Thị Đ tại thời điểm giám định là 69%.

Tại thời điểm gây tai nạn, Giàng A C điều kiển phương tiện giao thông đường bộ không có giấy phép lái xe và trong cơ thể có chất ma túy.

Bị cáo Giàng A C điều khiển xe mô tô thiếu chú ý quan sát, không giảm tốc độ và nhường đường khi thấy người đi bộ qua đường, đã vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 11 Luật Giao thông đường bộ năm 2008: *“ Những nơi không có vạch kẻ đường cho người đi bộ, người điều khiển phương tiện phải quan sát, nếu thấy người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật đang qua đường thì phải giảm tốc độ, nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường*

đảm bảo an toàn"; điều khiển phương tiện giao thông đường bộ mà trong cơ thể có chất ma túy; không có giấy phép lái xe; bỏ trốn sau khi gây tai nạn để trốn tránh trách nhiệm, vi phạm quy định tại khoản 7,9,17 Điều 8 Luật Giao thông đường bộ năm 2008. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo Giàng A C đã đủ yếu tố cấu thành tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ với các tình tiết định khung quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự. Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đã truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội và trái pháp luật, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông đường bộ, hậu quả làm thiệt hại đến sức khỏe của người khác gây lo lắng cho những người tham gia giao thông. Do đó cần xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên, khi phạm tội bị cáo dương tính với chất ma túy, điều khiển xe mô tô tham gia giao thông trong trạng thái không tỉnh táo mất an toàn. Do đó, không được coi là có nhân thân tốt.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo phạm tội trong trường hợp bị hại Hà Thị Đ cũng có một phần lỗi. Do vậy, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần được xem xét khi lượng hình.

Tại phiên tòa, người bào chữa đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo là: *"... Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả."* Thực tế sau khi xảy ra tai nạn bị cáo đã bỏ chạy khỏi hiện trường, không cứu giúp bị hại, trong thời gian bị hại đi cấp cứu và điều trị tại bệnh viện thì bị cáo và gia đình cũng chưa đến thăm hỏi, bồi dưỡng sức khỏe cho bị hại, đến khoảng tháng 2/2025 vợ và em trai bị cáo mới đến nhà bị hại hỏi thăm sức khỏe và đưa cho bị hại 500.000 đồng để mua đường, sữa, hoa quả. Ngoài ra chưa bồi thường gì thêm. Hội đồng xét xử thấy rằng việc người nhà bị cáo đến thăm hỏi bị hại và đưa số tiền 500.000 đồng là quá ít so với thiệt hại thực tế của bị hại với mức độ tổn thương cơ thể 69% và các chi phí cứu chữa mà gia đình bị hại đã bỏ ra để điều trị thương tích cho bị hại từ khi xảy ra tai nạn cho đến nay. Vì vậy, không có căn cứ để áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo là có căn cứ, bởi tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội bị hại Hà Thị Đ (sinh năm 1947 là người trên 70 tuổi). Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát về việc áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm

hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo khi quyết định hình phạt.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét thấy cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt tù giam, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Mức hình phạt Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên được chấp nhận. Mức hình phạt mà người bào chữa đề nghị không tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên không được chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Người đại diện hợp pháp cho bị hại yêu cầu bị cáo C bồi thường các khoản chi phí theo bảng kê chi phí yêu cầu bồi thường nộp cho Tòa án ngày 18/4/2025 gồm:

1. Chi phí bồi thường tổn thất về tinh thần: 10.000.000 đồng;

2. Tiền công chăm sóc từ ngày 22/8/2024 đến nay, gồm công chăm sóc trong thời gian điều trị tại bệnh viện và thời gian chăm sóc tại nhà từ ngày ra viện đến nay: 87.000.000 đồng.

3. Tiền thuốc men chi phí ngoài bảo hiểm gồm: 04 túi đạm sữa: 2.500.000 đồng; 05 lần phẫu thuật: 1.500.000 đồng; thuốc nam 10 gói: 5.000.000 đồng.

4. Tiền xe đi lại: 5.000.000 đồng.

5. Chi phí giám định pháp y: 2.700.000 đồng.

Tổng số tiền đại diện bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường là 112.200.000 đồng.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và đại diện theo ủy quyền của bị hại không thỏa thuận được với nhau về vấn đề bồi thường thiệt hại nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các chi phí thực tế kèm biên lai chứng từ, tình hình sức khỏe và tinh thần của bị hại, Hội đồng xét xử chấp nhận các khoản tiền bồi thường do bị cáo gây ra cho bị hại như sau:

1. Tiền chi phí thuốc men ngoài bảo hiểm chi trả tại các bút lục 229 đến 237: 9.385.000 đồng;

2. Tiền thuê xe từ thị trấn T ra thành phố C và ngược lại: 400.000 đ/lượt x 6 lượt = 2.400.000 đồng;

3. Tiền bồi dưỡng sức khỏe: 10.000.000 đồng;

4. Tiền mất thu nhập thực tế người chăm sóc: Trong những ngày điều trị và chăm sóc sau khi ra viện (bị hại là người cao tuổi 78 tuổi, sau tai nạn không tự đi lại phục vụ bản thân được) từ ngày 22/8/2024 đến ngày xét xử 19/5/2025 là 271 ngày. Do bà Đinh Thị Y người trực tiếp chăm sóc bị hại Hà Thị Đ không có công việc và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử áp dụng mức thu nhập trung

bình của lao động phổ thông hiện nay là 250.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật. Tổng là 271 ngày x 250.000 đồng = 67.750.000 đồng.

5. Đối với khoản tiền tổn thất về tinh thần: Căn cứ tỷ lệ tổn thương cơ thể 69% theo kết luận giám định và tinh thần bị ảnh hưởng của bị hại Hà Thị Đ, Hội đồng xét xử chấp nhận 30 tháng lương cơ sở tương ứng với số tiền là 70.200.000 đồng.

Tổng các khoản bị cáo Giàng A C phải bồi thường cho bị hại Hà Thị Đ là 159.735.000 đồng (Một trăm năm mươi chín triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng chẵn). Tuy nhiên, khi xảy ra vụ tai nạn cũng có một phần lỗi của bị hại Hà Thị Đ đã thiếu chú ý quan sát khi đi qua đường vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Giao thông đường bộ năm 2008. Hội đồng xét xử xem xét lỗi của bị cáo là 80%, lỗi của bị hại là 20% và buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho bị hại Hà Thị Đ tương ứng với mức độ lỗi đã gây ra là có căn cứ.

Bị cáo Giàng A C phải bồi thường cho bị hại số tiền: 159.745.000 đồng x 80% lỗi = 127.788.000 đồng (Một trăm hai mươi bảy triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn đồng chẵn). Xác nhận gia đình bị cáo đã đưa cho bị hại 500.000 đồng, do đó, bị cáo còn phải bồi thường **127.288.000 đồng (Một trăm hai mươi bảy triệu hai trăm tám mươi tám nghìn đồng chẵn).**

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 260 Bộ luật hình sự, ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 đến 05 năm. Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo không có công việc ổn định, không có nghề nghiệp liên quan đến vận tải.v.v nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng và tài sản tạm giữ:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter mang biển kiểm soát: 21K1-331.77 đã bị hư hỏng trong vụ tai nạn giao thông trên, đây là chiếc xe bị cáo C điều khiển đâm trúng bị hại Hà Thị Đ. Chiếc xe là tài sản chung của vợ chồng bị cáo. Bị cáo gây tai nạn với lỗi vô ý, tiền mua xe là tiền vợ bị cáo chị Mùa Thị D bán hai con bò để mua, khi bị cáo sử dụng chiếc xe gây tai nạn chị D không biết, do đó Hội đồng xét xử xem xét trả lại chiếc xe cho vợ bị cáo chị Mùa Thị D là đúng quy định của pháp luật.

- 01 túi niêm phong bên trong có một ốp nhựa đầu xe (mặt nạ) và một ốp nhựa dưới ổ khóa của xe mô tô biển kiểm soát 21K1-331.77; 01 túi niêm phong bên trong có ba mảnh nhựa của xe mô tô biển kiểm soát 21K1-331.77 thu tại hiện trường vụ tai nạn là vật chứng không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Bị cáo là người bị kết tội và phải bồi thường thiệt hại nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa bị cáo có đơn xin miễn án phí hình sự và án phí dân sự có giá ngạch Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử chấp nhận miễn các khoản án phí cho bị cáo;

[9] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, Người đại diện theo ủy quyền của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a,b,c khoản 2 Điều 260; Điều 38; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Giàng A C phạm Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Giàng A C 04 năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 20/12/2024.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 584, 585, 586 và 590 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Giàng A C phải bồi thường cho bị hại Hà Thị Đ số tiền **127.288.000 đồng (Một trăm hai mươi bảy triệu hai trăm tám mươi tám nghìn đồng chẵn).**

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Giàng A C được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo, Người đại diện theo ủy quyền của bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng;
- Sở tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Trùng Khánh;
- Cơ quan cảnh sát điều tra;
- Chi cục THADS huyện Trùng Khánh;
- Bị cáo; bị hại; Người Đại diện theo UQ của bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- UBND xã Bản Mù (Yên Bái -bằng TB);
- Lưu HS vụ án; Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Thị Hoài